TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2018
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Phan Thị Hà**

2. Bà **Trần Thị An**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Lan**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà **Trần Thị Thanh Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2018/TLST – HN&GĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2018/QĐST-HPT ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn**:** Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982, Đăng ký hộ khẩu: số 14 ngõ 294 phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: B1008 chung cư T&T Riverview 440 V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh Nghiêm Tuấn A, sinh năm 1982, Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: số 14 ngõ 294 phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. (anh A vắng mặt hai lần liên tiếp)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thanh T và Anh Nghiêm Tuấn A có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2007 tại UBND phường Kim Mã, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại số 14 ngõ 294, phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi có quan hệ với người phụ nữ khác, ít quan tâm đến gia đình. Vì vậy vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình

nội ngoại đã biết mâu thuẫn của vợ chồng và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Nay tôi không còn tình cảm với anh A nên đề nghị tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nghiêm Anh Đ, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 và cháu Nghiêm Quỳnh C, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu Nghiêm Quỳnh C và anh T Anh nuôi cháu Nghiêm Anh Đ. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nhà ở: Tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tôi tự lo về nhà ở.

Về khoản nợ: Tôi xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15 tháng 6 năm 2018 bị đơn có quan điểm:

Về tình cảm: Tôi đồng ý với quan điểm trình bày của chị T. Nhưng về mâu thuẫn giữa vợ chồng, tôi và chị T không có mâu thuẫn, nhưng đến thời điểm tháng 8 năm 2016 tôi có quan hệ nam nữ với một đồng nghiệp nữ. Sự việc này đã bị chị T phát hiện, do vậy mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh, căng thẳng. Quan hệ vợ chồng vẫn diễn ra bình thường đến tháng 7 năm 2017 thì mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau, mặc dù tôi có tinh thần cầu thị muốn chị T tha thứ, vợ chồng hàn gắn tình cảm. Sự việc này cũng được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng chị T vẫn kiên quyết làm đơn xin ly hôn với tôi. Tôi khẳng định vẫn còn tình cảm đối với vợ tôi, vợ tôi xin ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nghiêm Anh Đ, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 và cháu Nghiêm Quỳnh C, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012. Nếu phải giải quyết ly hôn, tôi xin nuôi cháu Nghiêm Anh Đ và để chị T nuôi cháu Nghiêm Quỳnh C. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nhà ở: Tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tôi tự lo về nhà ở.

Về khoản nợ: Tôi xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ;

- Chuyển thông báo thụ lý, các quyết định và hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định;

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Thẩm phán đã tiến hành việc giải quyết vụ án theo đúng trình tự tố tụng về thu thập chứng cứ tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Thẩm phán đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh A, chị T tại nơi cư trú theo đúng qui định pháp luật;

Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã được tống đạt hợp lệ đến đương sự đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Anh A và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, không cải thiện được tình cảm vợ chồng, mất lòng tin yêu đối với nhau, hiện anh chị đã ly thân.

Căn cứ vào các lời khai và chứng cứ đã thu thập được nhận thấy tình trạng vợ chồng của chị T, anh A đã trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không còn tin yêu nhau nữa, hiện anh chị đã ly thân, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh A là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nghiêm Anh Đ, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 và cháu Nghiêm Quỳnh C, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012. Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao cho anh A. nuôi cháu Nghiêm Anh Đ và để chị T nuôi cháu Nghiêm Quỳnh C. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiê tòa không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2007 tại UBND phường Kim Mã, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh A có quan hệ với người phụ nữ khác, ít quan tâm đến gia đình luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình nội ngoại đã biết mâu thuẫn của vợ chồng và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay chị T không còn tình cảm với anh A nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn.

[3] Tòa án cũng Tiến hành ghi ý kiến của bà **Nguyễn Thị Ngọc Hoa**, sinh năm 1959; địa chỉ: số 6, ngõ 1 Vạn Phúc, phường Kim Mã, quận B, thánh phố Hà Nội là mẹ đẻ của Chị Nguyễn Thanh T trình bày: Cháu T và cháu A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2007 tại UBND phường Kim Mã, quận B, thành phố Hà Nội. Vài năm trở lại đây thì hai cháu luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình tôi đã biết và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Hiện nay hai cháu đã sống ly thân với nhau. Nay cháu Thúy không còn tình cảm với cháu Tuấn Anh nên đề nghị tòa án giải quyết cho hai cháu được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu **Nghiêm Anh Đ**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 và cháu **Nghiêm Quỳnh C** sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012, vấn đề này để hai cháu tự quyết định. Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai cháu tự quyết định. Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai cháu và hai cháu cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

[4] Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến đại diện tổ dân phố số 29 phường C, bà Nguyễn Thị Dung – Tổ trưởng cho biết: Cháu T và cháu A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2007 tại UBND phường Kim Mã, quận B, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn gia đình của anh chị tổ dân phố không rõ. Tổ dân phố chỉ biết hiện tại anh A và chị T không còn ở tại địa chỉ trên, Vợ chồng có hai con chung là cháu **Nghiêm Anh Đ**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 và cháu **Nghiêm Quỳnh C**, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012, hiện nay hai con chuyển đi cùng bố mẹ. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ: Tổ dân phố không nắm rõ. Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh A đều vắng mặt không lý do. Anh A không nhận các văn bản tố tụng, không đến phiên tòa. Thể hiện anh từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình, không muôn hàn gắn các mâu thuẫn, không đưa ra các biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, không hợp tác với tòa án. Hiện nay anh chị vẫn sống ly thân từ năm 2017 thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị T được ly hôn anh A là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nghiêm Anh Đ, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 và cháu Nghiêm Quỳnh C, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012. Tại buổi hòa giải ngày 15 tháng 6 năm 2018 (BL 23, 24, 25) anh chị cùng quan điểm khi ly hôn anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nghiêm Anh Đ (phù hợp với nguyện vọng của cháu Đức, BL 22) và để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nghiêm Quỳnh C. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nhà ở: Chị T xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về khoản nợ: Chị T xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Chị T và anh A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; Khoản 4 Điều 147; các Điều 203; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh T;

Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Nghiêm Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu **Nghiêm Anh Đ**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2007 cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Nghiêm Quỳnh C**, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thực hiện giao con kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Nguyễn Thanh T và Anh Nghiêm Tuấn A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Chị T xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tự lo về nhà ở.

Về khoản nợ: Chị T xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số **8417** ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Nguyễn Thanh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- UBND phường Kim Mã, quận B, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long